HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 194 /2015/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 11 tháng 12 năm 2015*

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM
ĐẾN Số: 6566
Ngày: 30-12-2015

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng; Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5474/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây Sâm Ngọc Linh trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND

ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Thông qua Quy hoạch bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 với dung chủ yếu sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xác định vùng quy hoạch bảo tồn và phát triển tạo tiền đề cho công tác quản lý, hoạch định chính sách phát triển lâu dài, bảo tồn nguồn gen gốc Sâm Ngọc Linh; đồng thời chuyển hướng phát triển, hình thành phương thức sản xuất hàng hóa thương mại mang tính bền vững, đưa Sâm Ngọc Linh trở thành cây kinh tế chủ lực của huyện Nam Trà My, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân gắn với trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng, giữ gìn môi trường sinh thái, đa dạng sinh học.

b) Hình thành vùng chuyên ươm trồng Sâm giống, đảm bảo khả năng cung ứng nguồn giống về chất và lượng. Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật, các công trình phụ trợ nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư ở khu vực quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2016-2020

- Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các vùng ươm trồng Sâm giống tại Trạm Dược liệu Trà Linh, Trại giống Tắk Ngo và hiện có trong nhân dân; đẩy mạnh triển khai nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống đảm bảo về chất và lượng.

- Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc Sâm Ngọc Linh phù hợp với từng lập địa, bảo vệ hiệu quả hệ sinh thái dưới tán rừng, chống xói mòn, rửa trôi đất; tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc Sâm Ngọc Linh cho các đối tượng tham gia.

- Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc và một số công trình phụ trợ khác. Xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp tham gia phát triển, gây trồng Sâm, đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến, bao tiêu sản phẩm.

- Hoàn thành xây dựng chỉ dẫn địa lý cho Sâm Ngọc Linh tạo cơ sở pháp lý để quảng bá, giới thiệu hình ảnh, công dụng của các sản phẩm được chế biến từ Sâm Ngọc Linh ra thị trường trong và ngoài nước, bảo hộ quyền lợi đối với người trồng, sản xuất chế biến và tiêu dùng. Xúc tiến xây dựng thương hiệu quốc gia cho Sâm Ngọc Linh.

b) Giai đoạn 2021-2030

- Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hoàn thiện đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật và các công trình phụ trợ.

- Hoàn thành xây dựng thương hiệu Sâm Ngọc Linh trở thành Sâm quốc gia của Việt Nam.

- Đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ, kinh nghiệm và khả năng chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật cho việc phát triển Sâm Ngọc Linh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Giai đoạn 2016-2020

a) Nhiệm vụ bảo tồn

- Quản lý, bảo vệ diện tích 15.568 ha rừng đã được quy hoạch, trong đó bảo vệ nghiêm ngặt diện tích bảo tồn 2.238 ha rừng từ đai cao 2.000 m trở lên.

- Tăng cường quản lý, ngăn chặn các trường hợp dẫn nhập, lai tạp các giống sâm bên ngoài vào khu vực bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh.

- Trồng cây bản địa và khoanh nuôi bổ sung 1.000 ha đất trống còn lại.

- Thiết lập 120 ha vườn Sâm giống tại 03 xã: Trà Linh, Trà Nam và Trà Cang, huyện Nam Trà My (bao gồm cả vườn giống của Trạm Dược liệu Trà Linh, Trại giống Tắk Ngo); quản lý chặt chẽ khu vực có sâm từ 5 năm trở lên để đảm bảo nguồn giống cung ứng.

b) Nhiệm vụ phát triển

- Ban hành quy trình kỹ thuật về trồng và chăm sóc Sâm Ngọc Linh; nghiên cứu phương pháp nhân giống nhằm nâng cao tỷ lệ nảy mầm từ hạt.

- Thực hiện trồng 600 ha Sâm, nâng tổng diện tích trồng đến năm 2020 đạt trên 665,4 ha (kể cả diện tích Sâm hiện có).

- Ưu tiên phát triển Sâm trong vùng quy hoạch ở độ cao từ 1.800 m-2.000 m tại 03 xã Trà Linh, Trà Nam và Trà Cang.

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng Sâm dưới tán rừng cho khoảng 1.000 hộ dân.

- Xây dựng và hoàn thành chỉ dẫn địa lý cho Sâm Ngọc Linh; nghiên cứu mở rộng chỉ dẫn địa lý đến các vùng trồng Sâm có điều kiện tương đồng.

- Triển khai việc nghiên cứu, khảo nghiệm di thực Sâm Ngọc Linh tại vùng quy hoạch di thực trên địa bàn huyện Nam Trà My để có cơ sở đánh giá, nhân rộng.

c) Nhiệm vụ đầu tư

- Xác định vùng quy hoạch bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh trên thực địa theo mức độ thích nghi sử dụng đất; xác lập ranh giới lâm phận khu rừng đặc dụng và thành lập Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng cơ bản trong vùng quy hoạch bao gồm: đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, nhà bảo tàng, trung tâm giới thiệu sản phẩm, trung tâm nghiên cứu di thực Sâm Ngọc Linh và các điểm du lịch sinh thái.

- Kêu gọi, thu hút đầu tư, chế biến dược liệu và các sản phẩm tinh chế từ Sâm Ngọc Linh. Xúc tiến quảng bá, giới thiệu hình ảnh, công dụng của các sản phẩm được chế biến từ Sâm Ngọc Linh ra thị trường trong và ngoài nước.

2. Giai đoạn 2021-2030

- Tiếp tục mở rộng quy mô khu vực trồng Sâm Ngọc Linh theo quy hoạch, đến năm 2030 và những năm tiếp theo phát triển hết diện tích đã được quy hoạch, trong đó: trồng tập trung thu hút đầu tư của doanh nghiệp bình quân 250-300 ha/năm, trồng phân tán tại các hộ dân bình quân 150-200 ha/năm.

- Đánh giá kết quả di thực Sâm Ngọc Linh trên địa bàn huyện Nam Trà My; rà soát, kiểm định chất lượng, hiệu quả gây trồng, phát triển di thực Sâm Ngọc Linh ra các khu vực khác trên địa bàn tỉnh khi đảm ứng các điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng theo quy định.

- Diện tích đưa vào khai thác ổn định hằng năm từ 200-300 ha, sản lượng khai thác khoảng 150-200 tấn/năm.

- Hoàn thiện đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng quy hoạch; xây dựng cơ sở sản xuất chế biến các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh.

Điều 3. Nội dung quy hoạch bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh

1. Quy mô, thời gian thực hiện

a) Diện tích: Tổng diện tích quy hoạch 15.568 ha, trong đó: diện tích vùng đệm 6.712 ha, diện tích vùng lõi 8.856 ha.

b) Địa điểm: Trên địa bàn 07 xã, huyện Nam Trà My, gồm: Trà Linh, Trà Cang, Trà Nam, Trà Dơn, Trà Tập, Trà Leng và Trà Don).

c) Thời gian: Từ năm 2016 đến năm 2030.

2. Quy hoạch bảo tồn: Khu vực bảo tồn Sâm Ngọc Linh thuộc rừng đặc dụng ở đai cao từ 2.000 m trở lên với tổng diện tích 2.238 ha tại các xã Trà Linh, Trà Cang, Trà Dơn, huyện Nam Trà My, cụ thể:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Chi tiết địa danh (Tiểu khu)
	Tổng cộng	**2.238**	**07 tiểu khu**
1	Trà Cang	637	856, 857, 858 (3 tiểu khu)
2	Trà Dơn	13	806 (1 tiểu khu)
3	Trà Linh	1.588	882, 883, 886 (3 tiểu khu)

3. Quy hoạch phát triển:

- Khu vực phát triển Sâm Ngọc Linh là rừng tự nhiên ở đai cao từ 1.200 m đến 2.000 m trên địa bàn 07 xã (Trà Nam, Trà Cang, Trà Linh, Trà Dơn, Trà Leng, Trà Don và Trà Tập) với tổng diện tích 10.256 ha, cụ thể:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Chi tiết địa danh (Tiểu khu)
	Tổng cộng	**10.256**	**39 tiểu khu**
1	Xã Trà Linh	1.792	882,883, 884, 886, 887 (5 tiểu khu)
2	Xã Trà Nam	2.503	889, 890, 891, 892, 894, 895 (6 tiểu khu)
3	Xã Trà Cang	1.970	857, 858, 859, 862, 863, 864 (6 tiểu khu)
4	Xã Trà Dơn	1.099	802, 803, 804, 805, 806 (5 tiểu khu)
5	Xã Trà Don	1.130	869, 870, 871, 872 (4 tiểu khu)
6	Xã Trà Leng	1.235	787, 788, 791, 792, 793, 795, 796 (7 tiểu khu)
7	Xã Trà Tập	527	825, 826, 828, 830, 831, 832 (6 tiểu khu)

- Mức độ ưu tiên phát triển: Ưu tiên phát triển Sâm ở độ cao từ 1.800-2.000 m trong những năm đầu của kỳ quy hoạch, sau khi trồng hết diện tích ở độ cao từ 1.800-2.000 m sẽ phát triển chuyển tiếp ở độ cao từ 1.500-1.800 m và tiến hành phát triển di thực ở độ cao từ 1.200-1.500 m vào những năm cuối của kỳ quy hoạch. Diện tích theo mức độ ưu tiên:

TT	Mức độ ưu tiên phát triển	Diện tích (ha)
	Tổng cộng	**10.256**
1	Ưu tiên phát triển (đai cao từ 1.800 m - 2.000 m)	1.434
2	Phát triển chuyển tiếp (đai cao1.500 m - 1.800 m)	4.184
3	Phát triển di thực (đai cao 1.200 m - 1.500 m)	4.638

Điều 4. Các hạng mục đầu tư giai đoạn 2016-2020

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
I	**Quảng bá, tuyên truyền**		
1	Quảng bá, thu hút kêu gọi đầu tư	lượt	12
2	Tuyên truyền, tập huấn	lớp	30

II	**Bảo vệ và phát triển rừng trong vùng trồng sâm**		
1	Khoán bảo vệ rừng tự nhiên	ha	15.568
2	Khoanh nuôi trồng bổ sung cây bản địa	ha	630
3	Trồng rừng cây bản địa	ha	370
III	**Phát triển nguồn giống và trồng Sâm**		
1	Phát triển giống Sâm	ha	54,6
2	Trồng Sâm	ha	545,4
IV	**Xây dựng kết cấu hạ tầng**		
1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 40B	km	120
2	Xây dựng đường vào vùng dự án	km	50
3	Xây dựng đường trong vùng dự án	km	50
4	Công trình khác		
4.1	Xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm Sâm	nhà	1
4.2	Xây dựng nhà máy chế biến Sâm	nhà	1
4.3	Sân bay lên thẳng Trà Linh	trạm đỗ	1
4.4	Xây dựng trung tâm nghiên cứu di thực Sâm	nhà	1
4.5	Công trình khác (Điện, nước...)	công trình	3

Điều 5. Các dự án ưu tiên đầu tư

1. Xây dựng vườn giống tại Trạm dược liệu Trà Linh, Trại giống Tắk Ngo.

2. Đầu tư phát triển Sâm Ngọc Linh trong nhân dân.

3. Đầu tư phát triển Sâm Ngọc Linh của các doanh nghiệp.

4. Đầu tư nâng cấp và mở mới hệ thống đường giao thông đến vùng quy hoạch Sâm Ngọc Linh.

5. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống hữu tính Sâm Ngọc Linh và xây dựng quy trình trồng Sâm dưới tán rừng.

6. Nghiên cứu nhân giống Sâm Ngọc Linh bằng phương pháp vô tính.

7. Xây dựng Trung tâm giới thiệu thương hiệu Sâm Ngọc Linh.

8. Xây dựng Nhà máy chế biến Sâm Ngọc Linh.

9. Di thực Sâm Ngọc Linh trên vùng núi tỉnh Quảng Nam.

Điều 6. Nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn thực hiện

1. Nhu cầu vốn đầu tư

TT	Hạng mục công việc	Nhu cầu vốn đầu tư (triệu đồng)		
		Tổng	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030
I	**Trồng Sâm và xây dựng vườn giống**	**32.778.658**	**1.917.628**	**30.861.030**
1	Trồng và chăm sóc	32.604.154	1.743.124	30.861.030
2	Xây dựng vườn giống	174.504	174.504	
II	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**	**2.065.253**	**245.361**	**1.819.892**
1	Đường giao thông trong vùng dự án	1.932.976	113.084	1.819.892
2	Đường giao thông vào vùng dự án	132.277	132.277	
	Tổng cộng	**34.843.911**	**2.162.989**	**32.680.922**

2. Nguồn vốn đầu tư

TT	Hạng mục	Nguồn vốn đầu tư (triệu đồng)			
		Tổng vốn	NSNN	Vốn DN	Nhân dân
I	**Giai đoạn 2016 - 2020**	**2.162.989**	**297.277**	**1.493.558**	**372.154**
1	Trồng Sâm	1.743.124	119.955	1.278.419	344.750
2	Xây dựng vườn giống	174.504	45.045	129.459	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng	245.361	132.277	85.680	27.404
II	**Giai đoạn 2021 - 2030**	**32.680.922**	**1.107.480**	**22.025.014**	**9.548.429**
1	Trồng Sâm	30.861.030	1.107.480	20.794.287	8.959.263
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng	1.819.892		1.230.727	589.166
	Tổng cộng	**34.843.911**	**1.404.757**	**23.518.572**	**9.920.583**

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này để phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý theo quy hoạch, hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Các: Bộ NN&PTNT; TN&MT; KH&CN;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT, CTHĐ(Bình).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Ngọc Quang